DANH SÁCH GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K31-SN15/2024

(Kèm theo Công văn số 896/TTLĐNN-TCLĐ ngày 11/11/2024 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	51102880	Phạm Thị Ngọc	20/08/1991	Nữ	Bắc Giang	**K31SN15-01**
2	51102965	Hoàng Thị Đại	06/01/1991	Nữ	Bắc Giang	**K31SN15-02**
3	51103120	Trần Thị Thùy Dung	02/03/1988	Nữ	Bắc Giang	**K31SN15-03**
4	50531714	Chu Văn Vệ	01/01/1998	Nam	Bắc Giang	**K31SN15-04**
5	50307901	Nguyễn Thị Hậu	22/09/2004	Nữ	Bắc Giang	**K31SN15-05**
6	50304308	Nông Văn Thường	15/05/1998	Nam	Bắc Kạn	**K31SN15-06**
7	50304329	Chu Lý Trọng	10/07/1995	Nam	Bắc Kạn	**K31SN15-07**
8	50304359	Hoàng Văn Hoạt	19/02/1991	Nam	Bắc Kạn	**K31SN15-08**
9	50304449	Đàm Trung Trực	17/04/2003	Nam	Bắc Kạn	**K31SN15-09**
10	51103316	Hoàng Thị Tâm	09/11/1991	Nữ	Bắc Ninh	**K31SN15-10**
11	51101503	Nông Thị Bích	15/09/2004	Nữ	Cao Bằng	**K31SN15-11**
12	50309452	Phạm Duy Đạt	16/10/2005	Nam	Điện Biên	**K31SN15-12**
13	50309460	Lò Văn Phạt	02/06/1997	Nam	Điện Biên	**K31SN15-13**
14	50309467	Lường Văn Nghĩa	29/12/2000	Nam	Điện Biên	**K31SN15-14**
15	50309495	Nguyễn Mạnh Hoàng	14/05/1997	Nam	Điện Biên	**K31SN15-15**
16	50304007	Vương Tiến Đạt	29/05/1995	Nam	Hà Giang	**K31SN15-16**
17	50304014	Hoàng Anh Tú	02/09/1998	Nam	Hà Giang	**K31SN15-17**
18	50304024	Trần Minh Phương	03/07/2004	Nam	Hà Giang	**K31SN15-18**
19	50304044	Nguyễn Văn Tuấn	18/01/1999	Nam	Hà Giang	**K31SN15-19**
20	50303858	Lê Văn Quân	10/01/1991	Nam	Hà Nam	**K31SN15-20**
21	50303864	Ngô Công Hoan	29/08/2002	Nam	Hà Nam	**K31SN15-21**
22	50303923	Mai Văn Thao	19/02/2002	Nam	Hà Nam	**K31SN15-22**
23	50303948	Trần Đức Hoàn	08/09/2004	Nam	Hà Nam	**K31SN15-23**
24	51100505	Phạm Diệu Linh	23/05/2002	Nữ	Hà Nội	**K31SN15-24**
25	50500300	Vương Thị Hoa	30/03/1994	Nữ	Hà Nội	**K31SN15-25**
26	50340127	Dương Văn Đô	18/10/1991	Nam	Hà Nội	**K31SN15-26**
27	51100891	Phạm Thị Minh Huế	28/03/1992	Nữ	Hải Dương	**K31SN15-27**
28	50502263	Nguyễn Phương Minh	11/11/2002	Nữ	Hải Dương	**K31SN15-28**
29	50302002	Đồng Văn Mạnh	02/04/1999	Nam	Hải Dương	**K31SN15-29**
30	50302014	Phạm Văn Doãn	22/03/1991	Nam	Hải Dương	**K31SN15-30**
31	50302030	Nguyễn Tuấn Anh	01/04/2002	Nam	Hải Dương	**K31SN15-31**
32	50302127	Đỗ Mạnh Hào	28/12/1991	Nam	Hải Dương	**K31SN15-32**
33	50302132	Nguyễn Quang Tú	11/06/2003	Nam	Hải Dương	**K31SN15-33**
34	50302148	Trần Văn Long	13/11/1989	Nam	Hải Dương	**K31SN15-34**
35	50302319	Vũ Mạnh Toàn	23/01/1986	Nam	Hải Dương	**K31SN15-35**
36	50302365	Trần Văn Uy	29/12/2002	Nam	Hải Dương	**K31SN15-36**
37	50302417	Nguyễn Văn Tân	05/09/1992	Nam	Hải Dương	**K31SN15-37**
38	50302457	Nguyễn Văn Toàn	19/09/1994	Nam	Hải Dương	**K31SN15-38**
39	50302507	Nguyễn Văn Tú	01/11/1994	Nam	Hải Dương	**K31SN15-39**
40	50302571	Đoàn Văn Dũng	20/06/2000	Nam	Hải Dương	**K31SN15-40**
41	50302589	Lương Văn Thiệp	19/08/1994	Nam	Hải Dương	**K31SN15-41**
42	50302710	Nguyễn Văn Tiến	23/05/2002	Nam	Hải Dương	**K31SN15-42**
43	50302931	Nguyễn Văn Trung	05/08/1996	Nam	Hải Dương	**K31SN15-43**
44	50303004	Phạm Văn Toàn	10/01/1990	Nam	Hải Dương	**K31SN15-44**
45	50303011	Hà Văn Chiến	24/10/1992	Nam	Hải Dương	**K31SN15-45**
46	51103610	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/05/2004	Nữ	Hòa Bình	**K31SN15-46**
47	50309706	Trịnh Văn Minh	25/02/2005	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-47**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
48	50309713	Ngô Văn Hòa	25/05/2000	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-48**
49	50309732	Ninh Văn Sang	06/08/1988	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-49**
50	50309743	Nguyễn Hoài Sơn	29/12/1998	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-50**
51	50309745	Quách Văn An	29/03/2004	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-51**
52	50309751	Triệu Phúc Đà	09/09/2000	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-52**
53	50309761	Bùi Văn Tường	10/10/2000	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-53**
54	50309768	Đinh Công Sơn	26/10/2000	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-54**
55	50309812	Bùi Minh Quang	07/12/2000	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-55**
56	50309836	Bùi Quốc Đạt	20/08/1997	Nam	Hòa Bình	**K31SN15-56**
57	51101686	VI THỊ THU HOÀI	08/06/2004	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-57**
58	51101747	TRIỆU THỊ HOÀI	11/07/2004	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-58**
59	51101783	HOÀNG THỊ TUYẾT	24/09/2003	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-59**
60	50503611	Hoàng Thị Thanh	04/07/1999	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-60**
61	50503801	Tạ Thị Oanh	14/04/2000	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-61**
62	50503825	Bế Thị Thu Giang	03/09/1998	Nữ	Lạng Sơn	**K31SN15-62**
63	50304509	Đàm Khánh Tân	03/09/2005	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-63**
64	50304518	Hoàng Văn Sơn	12/05/2005	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-64**
65	50304532	Nguyễn Mạnh Cường	07/11/1996	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-65**
66	50304540	Trần Văn Minh	28/06/1991	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-66**
67	50304544	Lăng Văn Hiệp	25/07/2003	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-67**
68	50304553	Nguyễn Viết Hùng	29/12/2001	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-68**
69	50304566	Lê Nguyên Hưng	03/04/2000	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-69**
70	50304579	Dương Văn Hồng	26/11/1996	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-70**
71	50304585	Hoàng Thanh Long	25/06/1999	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-71**
72	50304603	Đàm Văn Sang	03/05/1996	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-72**
73	50304638	Đặng Văn Khuyến	01/10/2000	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-73**
74	50304653	Nông Văn Linh	14/10/1997	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-74**
75	50304655	Nguyễn Ngọc Chung	31/03/1995	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-75**
76	50304658	Hoàng Thành Duy	22/06/2001	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-76**
77	50304661	Chu Văn Lực	10/09/2005	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-77**
78	50304663	Hoàng Văn Tuấn	05/03/2001	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-78**
79	50304665	Từ Chí Công	15/11/1996	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-79**
80	50304669	Lành Thái Sơn	08/10/1996	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-80**
81	50304687	Vũ Văn Đức	04/04/1997	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-81**
82	50304698	Hoàng Anh Hào	24/04/1994	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-82**
83	50304702	Đàm Văn Dũng	06/06/1993	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-83**
84	50304704	Hoàng Minh Quân	07/02/2005	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-84**
85	50304708	Triệu Thanh Tùng	05/08/2002	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-85**
86	50304714	Vi văn nguyên	27/01/1992	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-86**
87	50304717	Hoàng Văn Huy	14/01/2001	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-87**
88	50304729	Phạm Văn Nhất	29/09/1992	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-88**
89	50304764	Bế Mạnh Hùng	28/09/1993	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-89**
90	50304777	Triệu Thanh Tùng	19/10/1991	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-90**
91	50304787	Lương Đức Khoa	04/11/2004	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-91**
92	50304813	Nguyễn Văn Toan	26/04/2001	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-92**
93	50304829	Hứa Văn Bằng	10/03/1992	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-93**
94	50304853	Lương Quang Thế	20/08/2003	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-94**
95	50304863	Hà Nhất Long	09/02/2002	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-95**
96	50304885	Nguyễn Quốc Tuấn	08/10/2002	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-96**
97	50313102	Long Văn Hải	14/03/1992	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-97**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
98	50313110	Mạc Văn Chình	04/06/1989	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-98**
99	50313134	Hoàng Anh Dũng	27/08/2000	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-99**
100	50313169	Triệu Văn Tuấn	14/02/1997	Nam	Lạng Sơn	**K31SN15-100**
101	50304209	Nguyễn Trung Hiếu	23/12/2004	Nam	Lào Cai	**K31SN15-101**
102	91204369	Nguyễn Thị Hoa	20/08/1986	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-102**
103	51102247	Đinh Hương Mến	09/05/2004	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-103**
104	51102268	Nguyễn Thị Niên	03/08/2004	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-104**
105	51102269	Nguyễn Thị Lan Anh	21/01/2003	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-105**
106	51102353	Phạm Hoàng Nhi	09/10/2004	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-106**
107	51102364	Lê Thị Bích Thủy	14/07/1993	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-107**
108	51102398	Vũ Thị Kim Thư	14/07/2004	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-108**
109	51102481	Nguyễn Thị Hoa	25/12/1998	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-109**
110	51102646	Nguyễn Thị Trà My	16/06/2000	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-110**
111	90900202	Lương Thị Kim Liên	14/03/1991	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-111**
112	50504672	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	27/10/2000	Nữ	Phú Thọ	**K31SN15-112**
113	50305755	Vũ Hải Triều	22/06/2001	Nam	Phú Thọ	**K31SN15-113**
114	50305779	Nguyễn Ngọc Thái	03/05/2002	Nam	Phú Thọ	**K31SN15-114**
115	50305794	Đỗ Nam Thành	09/05/2001	Nam	Phú Thọ	**K31SN15-115**
116	51032690	Phạm Tuấn Hưng	25/10/2003	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-116**
117	50308955	Phạm Tuấn Kiệt	07/09/2004	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-117**
118	50308960	Lê Văn Tiên	02/10/2002	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-118**
119	50308961	Bùi Quốc Đạt	29/10/1994	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-119**
120	50308981	Lê Đức Quỳnh	03/04/2000	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-120**
121	50308991	Ninh Quang Huy	16/08/1997	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-121**
122	50309000	Lê Văn Chúc	28/08/2000	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-122**
123	50309006	Phạm Quốc Đạt	23/07/1995	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-123**
124	50309013	Vũ Ngọc Trọng	27/09/1997	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-124**
125	50309026	Phạm Việt Cường	14/02/1998	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-125**
126	50309038	Nguyễn Đăng Biển	27/01/1987	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-126**
127	50309039	Lê Văn Sơn	21/06/1998	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-127**
128	50309076	Giang Văn Dũng	26/03/1997	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-128**
129	50309123	Phạm Quốc Khánh	02/09/2001	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-129**
130	50309142	Phạm Nguyễn Trường Sơn	06/03/2005	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-130**
131	50309169	Nguyễn Đức Trường	06/03/2002	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-131**
132	50309178	Nguyễn Hồng Thái	08/10/2001	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-132**
133	50309215	Nguyễn Đức Ngọc	22/05/2003	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-133**
134	50309219	Vũ Phi Hùng	22/12/1994	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-134**
135	50309224	Vũ Hữu Mầu	08/08/2001	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-135**
136	50309228	Lê Văn Quang	16/09/1999	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-136**
137	50309234	Đinh Việt Chung	13/03/2003	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-137**
138	50309243	Bùi Minh Vượng	22/09/1998	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-138**
139	50309246	Trần Văn Mạnh	04/07/2003	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-139**
140	50309267	Vũ Tiến Hiệp	19/06/2000	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-140**
141	50309268	Trần Bùi Nhật Anh	09/10/1997	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-141**
142	50309292	Trần Minh Tiến	25/07/2000	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-142**
143	50309306	Cao Ngọc Thành	25/05/1988	Nam	Quảng Ninh	**K31SN15-143**
144	50309557	Tòng Văn Hùng	22/07/2003	Nam	Sơn La	**K31SN15-144**
145	50309561	Phùng Anh Tuấn	13/08/1991	Nam	Sơn La	**K31SN15-145**
146	50309562	Nguyễn Hữu Nghĩa	10/10/1992	Nam	Sơn La	**K31SN15-146**
147	50309583	Lò Văn Huy	10/11/2002	Nam	Sơn La	**K31SN15-147**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
148	50309585	Lò Văn Quỳnh	16/09/1999	Nam	Sơn La	**K31SN15-148**
149	50309587	Lò Văn Thân	15/10/2000	Nam	Sơn La	**K31SN15-149**
150	50309592	Phan Đăng Tuyên	01/03/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-150**
151	50309593	Cà Văn Phấn	10/01/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-151**
152	50309594	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	18/12/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-152**
153	50309595	Nguyễn Đình Bách	07/11/2003	Nam	Sơn La	**K31SN15-153**
154	50309596	Cà Văn Quỳnh	01/04/2002	Nam	Sơn La	**K31SN15-154**
155	50309598	Nguyễn Văn Khải	14/10/2001	Nam	Sơn La	**K31SN15-155**
156	50309601	Đào Quang Huy	03/08/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-156**
157	50309605	Bùi Văn Trí	21/05/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-157**
158	50309621	Lò Văn Biên	14/06/2001	Nam	Sơn La	**K31SN15-158**
159	50309631	Hoàng Duy Kiên	03/07/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-159**
160	50309638	Đinh Văn Bình	27/11/1992	Nam	Sơn La	**K31SN15-160**
161	50309656	Đào Thế Dũng	17/02/2005	Nam	Sơn La	**K31SN15-161**
162	50309661	Thào Lao Sớ	02/09/1998	Nam	Sơn La	**K31SN15-162**
163	50309673	Phạm Thế Lộc	14/11/2004	Nam	Sơn La	**K31SN15-163**
164	51101807	Đinh Thị Như	29/01/2003	Nữ	Tuyên Quang	**K31SN15-164**
165	50503923	Quan Thị Tươi	26/07/1995	Nữ	Tuyên Quang	**K31SN15-165**
166	50503946	Ma Thị Hoài	26/02/1997	Nữ	Tuyên Quang	**K31SN15-166**
167	50304912	Nguyễn Văn Hiếu	12/08/2004	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-167**
168	50304926	Nguyễn Minh Quân	28/07/2004	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-168**
169	50304929	Dương Thành Đạt	16/08/2002	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-169**
170	50304931	Trần Văn Duy	17/03/2002	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-170**
171	50304935	Hà Đức Dương	21/08/1996	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-171**
172	50304973	Trần Nguyên	27/12/2005	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-172**
173	50305020	Phạm Văn Nghĩa	18/02/1995	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-173**
174	50305021	Hoàng Văn Quang	15/02/2003	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-174**
175	50305061	Đinh Văn Doanh	26/06/1999	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-175**
176	50305090	Phạm Văn Minh	01/07/2000	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-176**
177	50305104	Phùng Xuân Dương	21/09/1997	Nam	Tuyên Quang	**K31SN15-177**
178	51102073	La Thị Thủy	06/06/1992	Nữ	Thái Nguyên	**K31SN15-178**
179	51102090	Nguyễn Hồng Oanh	17/01/2003	Nữ	Thái Nguyên	**K31SN15-179**
180	50305425	Ngô Thành Trung	12/02/1996	Nam	Thái Nguyên	**K31SN15-180**
181	50305452	Đoàn Văn Phong	11/07/1989	Nam	Thái Nguyên	**K31SN15-181**
182	51102570	Lê Công Chiến	07/09/1984	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-182**
183	51102592	Ngô Thị Hào	01/02/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	**K31SN15-183**
184	50505376	Nguyễn Thị Huệ	08/03/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	**K31SN15-184**
185	50306603	Nguyễn Trung Kiên	17/09/2001	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-185**
186	50306648	Đỗ Văn Châu	27/08/1998	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-186**
187	50306663	Nguyễn Đình Long	26/12/1998	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-187**
188	50306716	Nguyễn Văn Chung	29/03/1997	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-188**
189	50306733	Nguyễn Văn Khánh	17/05/1993	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-189**
190	50306875	Diệp Hồng Sơn	19/04/1996	Nam	Vĩnh Phúc	**K31SN15-190**
191	50305202	Nông Việt Hoàng	06/05/2001	Nam	Yên Bái	**K31SN15-191**
192	50305204	Nguyễn Văn Đạt	17/03/2002	Nam	Yên Bái	**K31SN15-192**
193	50305226	Hoàng Ngọc Hiếu	20/12/1993	Nam	Yên Bái	**K31SN15-193**
194	50305257	Đào Đức Lộc	06/04/1998	Nam	Yên Bái	**K31SN15-194**
195	50305289	Nguyễn Hoàng Nam	25/05/2001	Nam	Yên Bái	**K31SN15-195**
196	50305302	Lê Công Thế	06/11/2005	Nam	Yên Bái	**K31SN15-196**
197	50305304	Phạm Xuân Thành	28/12/2001	Nam	Yên Bái	**K31SN15-197**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
198	50305316	Hoàng Đình Hà	01/02/1995	Nam	Yên Bái	**K31SN15-198**
199	50305320	Lê Đức Thiện	22/01/1995	Nam	Yên Bái	**K31SN15-199**
10	50305321	Đỗ Mạnh Cường	19/09/2004	Nam	Yên Bái	**K31SN15-200**